

Vai trò của một số chủ thể thứ yếu trong hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Trung Quốc hiện nay

Trần Thọ Quang^(*)

Tóm tắt: Cơ chế ban hành và thực thi quyết sách đối ngoại của Trung Quốc tương đối phức tạp, diễn biến đa chiều trong thời gian gần đây. Nhiều học giả phương Tây cho rằng, tính chất “toàn trị” của chế độ chính trị - xã hội Trung Quốc khiến các quyết định đối ngoại vẫn duy trì tính mệnh lệnh từ trên xuống dưới, nhất quán. Tuy nhiên, hệ thống chính trị của Trung Quốc ngày nay đã khác rất nhiều so với giai đoạn bắt đầu cải cách. Trung Quốc hiện vẫn là một nhà nước “toàn trị” dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng dưới tác động của xu thế tán quyền và phi tập trung hóa quyền lực chính trị, quá trình ra quyết định chính trị nói chung và ra quyết định đối ngoại nói riêng của Trung Quốc cũng phản ánh nhiều thay đổi tất yếu của sinh hoạt chính trị trong thế kỷ XXI.

Từ khóa: Chính trị, Chính sách đối ngoại, Trung Quốc

Có thể nhận thấy rằng, về cơ bản, công tác hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Trung Quốc vẫn do Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định, nhưng không còn nằm dưới quyền lực đơn nhất và tuyệt đối của lãnh đạo Đảng, các cơ quan của Đảng và Nhà nước như trước, mà chịu sự chi phối của nhiều đối tượng, chủ thể và nhân tố khác (cả bên trong cũng như bên ngoài hệ thống chính trị). Thực tế cho thấy, vai trò của một số chủ thể tuy là thứ yếu nhưng đã được khẳng định rõ ràng, với tính chất ngày một quan trọng hơn trong quá trình

hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của Trung Quốc những năm gần đây.

1. Chính quyền địa phương

Mặc dù chính quyền Trung ương vẫn đóng vai trò quyết định trong mọi vấn đề đối ngoại của Trung Quốc, song các chính quyền địa phương cũng có ảnh hưởng tương đối quan trọng, nhất là các địa phương ven biển hoặc giáp giới với các nước láng giềng. Chẳng hạn, các tỉnh Hải Nam, Vân Nam, Quảng Đông và Quảng Tây có ảnh hưởng rất lớn đối với chính quyền Trung ương trong chính sách của Trung Quốc đối với Việt Nam; các tỉnh Cát Lâm, Liêu Ninh có vai trò trong chính sách của Trung Quốc đối với Triều Tiên; còn tỉnh Sơn Đông, thành phố Thượng

^(*) TS., Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;
Email: tranthoquang80@gmail.com

Hải có ảnh hưởng khá lớn đến chính sách của Trung Quốc đối với Nhật Bản, Hàn Quốc. Tương tự, trong quá trình hội nhập quốc tế của Trung Quốc, các tỉnh duyên hải ở phía Đông đã tác động lên chính quyền Trung ương rất mạnh để thực hiện chính sách tự do hóa, mở cửa, bởi các tỉnh này có lợi ích rất lớn trong việc giao thương với bên ngoài.

Trong cơ cấu nhân sự khóa XVIII, có 2 trong số 7 ghế trong Thường vụ Bộ Chính trị và 10 trong 25 ghế trong Bộ Chính trị được bầu trực tiếp từ lãnh đạo chủ chốt các địa phương^(*). Các quan chức cấp cao được quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt cũng thường được luân chuyển về các địa phương trước khi được chính thức bổ nhiệm vào các vị trí chủ chốt ở Trung ương. Đa số ủy viên Bộ Chính trị khóa XVIII hiện nay, kể cả Chủ tịch Tập Cận Bình, đều đã từng kinh qua công tác ở các địa phương. Điều này cũng khiến các địa phương có ảnh hưởng nhất định đối với lãnh đạo cấp cao Trung Quốc trong quá trình ra quyết định đối ngoại.

Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, chính quyền địa phương cũng được chính quyền Trung ương của Trung Quốc sử dụng làm công cụ chính sách trong những phép “thử” với các nước láng giềng, khu vực trong tranh chấp lãnh thổ, biển đảo. Nếu phản ứng của các nước liên quan không đủ gây bất lợi cho Trung Quốc, Trung Quốc sẽ coi hành động của chính quyền địa phương là đại diện cho chủ trương, chính sách của Trung ương. Nếu gặp phản ứng bất lợi, chính quyền Trung ương có thể “phủ tay”, lý giải với khu

(*) Hai vị trí trong Thường vụ Bộ Chính trị được bầu trực tiếp từ địa phương khóa XVII là Bí thư Thành ủy Thiên Tân Trương Cao Lệ (hiện là Phó Thủ tướng Thường trực) và Bí thư Thành ủy Thượng Hải Du Chính Thanh (hiện là Chủ tịch Chính hiệp toàn quốc).

vực và quốc tế rằng đó chỉ là các quy định do địa phương ban hành. Việc tỉnh Hải Nam công bố quy định về đánh bắt cá trên biển Đông tháng 11/2013 là một minh chứng tiêu biểu^(*). Tháng 6/2014, việc Nhà xuất bản Bản đồ tỉnh Hồ Nam phát hành bản đồ khổ dọc của Trung Quốc với “đường 10 đoạn” bao trùm gần hết biển Đông cũng thể hiện ý đồ chính quyền Trung ương mượn tay các chính quyền địa phương để thử phản ứng của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Vai trò của các doanh nghiệp

Với sức mạnh kinh tế khổng lồ của mình, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của Trung Quốc, nhất là các doanh nghiệp quốc doanh (SOE) phụ trách các ngành mang tính chiến lược như dầu khí, điện lực, tài chính, viễn thông, công nghiệp quốc phòng..., có ảnh hưởng tương đối lớn đến quá trình ra quyết định đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa XVIII, có một tổng giám đốc SOE là ủy viên chính thức, và 22 tổng giám đốc SOE khác là các ủy viên dự khuyết (Erica Downs and Michal Midan, 2011, p.3-21). Giới doanh nghiệp Trung Quốc cũng có nhiều đại diện có ảnh hưởng trong Quốc hội Trung Quốc^(**).

Về phần mình, Đảng Cộng sản Trung Quốc sử dụng các SOE như một công cụ chính sách đối ngoại. Cơn khát dầu mỏ

(*) Quy định này do chính quyền tỉnh Hải Nam đưa ra tháng 11/2013 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/1/2014, theo đó tất cả các tàu thuyền đánh bắt cá ở vùng biển 1,5 triệu dặm vuông (khoảng 2/3 diện tích biển Đông) mà Trung Quốc nêu yêu sách và Hải Nam “quản hạt”, phải xin phép chính quyền Hải Nam, nếu không sẽ bị phạt khoản tiền tương đương 82.600 USD.

(**) Theo Bloomberg, năm 2011, 70 đại biểu quốc hội giàu nhất của Trung Quốc có tổng số tài sản lên đến 89,8 tỷ USD.

của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và việc Đại hội XVIII chính thức đề ra mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành “cường quốc biển” khiến ảnh hưởng của các công ty năng lượng ngày càng gia tăng trong quá trình ra quyết định đối ngoại của Trung Quốc. Các công ty năng lượng của Trung Quốc là tác nhân trong nhiều cuộc khủng hoảng quan hệ đối ngoại giữa Trung Quốc và các nước láng giềng, khu vực có tranh chấp biển đảo. Đặc biệt, các SOE hoạt động trong lĩnh vực dầu khí như Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc (CNPC), Tập đoàn Hóa dầu Trung Quốc (SINOPEC), Tổng Công ty Dầu khí Hải dương Trung Quốc (CNOOC) nhiều khi còn thể hiện vai trò có phần lấn lướt cả Bộ Ngoại giao trong những quyết định liên quan đến tranh chấp biển đảo với các nước láng giềng, khu vực.

CNOOC có ảnh hưởng lớn trong các tranh chấp biển đảo giữa Trung Quốc và các nước láng giềng, khu vực như Nhật Bản, Philippines và Việt Nam. Năm 2004, CNOOC đơn phương tiến hành khảo sát thăm dò khí đốt tại mỏ Xuân Hiều (phía Nhật Bản gọi là Shirakaba) trên biển Hoa Đông, châm ngòi cho một cuộc khủng hoảng ngoại giao giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Tháng 6/2012, CNOOC công bố mời thầu 9 lô dầu khí nằm hoàn toàn trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam trên biển Đông. Từ đầu tháng 5/2014, được lãnh đạo cấp cao và quân đội Trung Quốc “bật đèn xanh”, CNOOC liên tục đưa giàn khoan nước sâu HD-981 vào hoạt động trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, gây ảnh hưởng lớn nhất tới quan hệ Việt - Trung từ khi bình thường hóa đến nay. Chủ tịch CNOOC Vương Dĩ Lâm còn gọi các giàn khoan nước sâu như HD-981 là “lãnh thổ quốc gia di động” và “vũ khí chiến lược” của Trung Quốc.

3. Vai trò của các viện nghiên cứu và giới học giả

Cùng với quá trình hội nhập của Trung Quốc vào thế giới, ảnh hưởng của các viện nghiên cứu và giới học giả đối với quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc có xu hướng gia tăng. Mặc dù về bản chất, đường lối đối ngoại của Trung Quốc vẫn do Đảng Cộng sản Trung Quốc mà hạt nhân là Bộ Chính trị đề ra, nhưng lãnh đạo cấp cao Trung Quốc ngày càng coi trọng và tranh thủ chất xám, vai trò tham vấn của giới học giả, chuyên gia về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại.

Từ năm 2002, cựu Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã cho tổ chức các buổi nghiên cứu tập thể cho các ủy viên Bộ Chính trị về các vấn đề quan trọng, trong đó có vấn đề đối ngoại. Sau này, đây trở thành cơ chế thường xuyên trong sinh hoạt của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc. Từ năm 2008 đến hết thời kỳ cầm quyền của mình, Hồ Cẩm Đào đã tổ chức các buổi nghiên cứu, học tập tập thể vào tháng 12 hàng năm, mời các chuyên gia có uy tín về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại để đánh giá về những thành công và thất bại trong việc triển khai công tác đối ngoại của Trung Quốc. Các diễn giả được mời gồm các tên tuổi có uy tín như Thôi Lập Như (Viện trưởng Viện nghiên cứu Quan hệ quốc tế đương đại - CICIR), Vương Tập Tư (Đại học Bắc Kinh), Kim Xán Vinh (Đại học Nhân dân), Tần Á Thanh (Giám đốc Học viện Ngoại giao Trung Quốc),...

Một số học giả đã có ảnh hưởng lớn đối với lãnh đạo cấp cao Trung Quốc. Chẳng hạn, khái niệm “trỗi dậy hòa bình” được Trịnh Tất Nhiên, Chủ tịch Diễn đàn Cải cách Trung Quốc, Phó Giám đốc Trường Đảng Trung ương đưa ra lần đầu

tiên vào năm 2003 tại Diễn đàn Châu Á Bắc Ngao. Lãnh đạo cấp cao Trung Quốc thường xuyên đề cập khái niệm này, coi đó như mục tiêu đối ngoại của Trung Quốc, sau đó từ năm 2004 sửa thành “phát triển hòa bình” nhằm làm giảm bớt sự nghi ngại của thế giới về “mối đe dọa Trung Quốc”.

Năm 2004, Bộ Ngoại giao Trung Quốc thành lập Hội đồng Cố vấn Chính sách đối ngoại gồm các cựu đại sứ và học giả hàng đầu của Trung Quốc. Nhiệm vụ của Hội đồng này là tư vấn cho các cán bộ hoạch định chính sách của Bộ Ngoại giao và phổ biến chính sách của Trung Quốc ra bên ngoài. Hội đồng này được lãnh đạo Bộ Ngoại giao Trung Quốc trọng dụng, được trình bày tại các phiên thảo luận cho lãnh đạo Bộ.

So với các think-tank^(*) ở các nước phương Tây, các think-tank của Trung Quốc không có tính độc lập, và phụ thuộc nhiều vào Nhà nước về tài chính. Các think-tank của mỗi bộ, ngành thường đại diện cho tư tưởng và lợi ích của bộ, ngành chủ quản của mình. Do đó, trong nhiều trường hợp, các nhận định, đánh giá và kiến nghị chính sách của các think-tank trực thuộc các bộ, ban ngành khác nhau cũng mâu thuẫn với nhau. Thậm chí, không ít think-tank sẵn sàng hy sinh một cách có chủ ý tính khách quan, đúng đắn trong các nhận định, đánh giá của mình nếu điều đó giúp họ tranh thủ ngân sách nhà nước và cải thiện vị trí, quan hệ của mình với cấp trên. Ngoài ra, các think-tank có tiếp cận hay quan hệ tốt hơn với lãnh đạo Đảng và Nhà nước thường được trọng dụng hơn. Chẳng hạn, Dương Khiết

Miễn, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu các vấn đề quốc tế Thượng Hải (SIIS), là em trai của cựu Bộ trưởng Ngoại giao Dương Khiết Trì. Có ý kiến cho rằng điều này đã giúp cho SIIS có ảnh hưởng tương đối quan trọng đối với các cơ quan đối ngoại của Trung Quốc.

4. Giới truyền thông và công chúng

Về bản chất, việc hoạch định chính sách đối ngoại và ra quyết định đối ngoại ở hầu hết các nước là sản phẩm của giới tinh hoa, thường mang tính bí mật và ít chịu sức ép của công chúng. Điều này càng đúng trong một chế độ toàn trị do Đảng Cộng sản cầm quyền như Trung Quốc. Nhìn chung, truyền thông và công luận Trung Quốc vẫn được định hướng và kiểm soát bởi các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa và Internet đã khiến tiếng nói của giới truyền thông và công chúng (nhất là các cư dân mạng) có tác động nhất định đối với quá trình ra quyết định đối ngoại của Trung Quốc.

Tính đến cuối năm 2015, Trung Quốc ước tính có tới 750 triệu người sử dụng Internet, trong đó có 250 triệu người thường xuyên sử dụng mạng xã hội Weibo (một dạng Twitter của Trung Quốc). Do không thể bộc lộ các quan điểm trái chiều trên các phương tiện truyền thông do Nhà nước kiểm soát, không gian mạng đã trở thành nơi các cư dân mạng Trung Quốc thể hiện suy nghĩ của mình. Ngày nay, khi Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày càng có xu hướng khai thác tinh thần dân tộc để củng cố tính chính danh của chế độ, thì ảnh hưởng của giới truyền thông và cư dân mạng có xu hướng tăng hơn trước. Do đó, cư dân mạng đã trở thành “nhóm áp lực” mới nổi có ảnh hưởng gián tiếp nhất định đến quá trình ra quyết định đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Theo đánh giá của một số quan chức ngoại giao

(*) Các tổ chức, nhóm cá nhân chuyên nghiên cứu đưa ra các tư vấn về chính sách, chiến lược về các vấn đề quân sự, kinh tế, đối ngoại, khoa học công nghệ.

Trung Quốc, trong những vấn đề mà quan điểm của công chúng và cư dân mạng còn có nhiều khác biệt, chính quyền thường không mấy quan tâm. Nhưng với những vấn đề có sự đồng thuận cao độ trong quan điểm của công chúng và cư dân mạng, chính quyền sẽ phải hành động thận trọng hơn do không muốn để sự bất mãn trong dân chúng leo thang gây bất ổn chính trị - xã hội.

Một ví dụ cho thấy ảnh hưởng của cư dân mạng đối với quá trình ra quyết sách đối ngoại là việc Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã phải hủy chuyến thăm Pháp và Hội nghị Thượng đỉnh Trung Quốc - EU tổ chức tại Lyon năm 2011, sau khi Bộ Ngoại giao Trung Quốc nhận được khoảng 1.000 email từ các cư dân mạng cho rằng lãnh đạo Trung Quốc đã phản ứng quá yếu ớt trước việc Tổng thống Pháp Sarkozy gặp Đạt Lai Lạt Ma.

Truyền thông và báo chí là các công cụ chính trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong bối cảnh yếu tố ý thức hệ ngày càng ít được nhắc đến, tốc độ kinh tế đang giảm dần, và các thách thức nội trị đang nổi lên ngày càng gay gắt, Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương khai thác chủ nghĩa dân tộc để củng cố sự cố kết của đất nước cũng như hướng sự quan tâm của người dân vào các vấn đề đối ngoại cấp thiết để giảm sức ép đối với Nhà nước trong các mâu thuẫn kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội gay gắt ở trong nước. Việc chơi con bài chủ nghĩa dân tộc cũng có tác động hai mặt. Một mặt, nó góp phần củng cố tính chính danh của chế độ, và cũng làm ảnh hưởng của truyền thông và cư dân mạng lên quá trình ra quyết định đối ngoại tăng lên. Mặt khác, nó cũng có thể khiến Đảng Cộng sản Trung Quốc trở thành “con tin” bởi chính con bài dân tộc chủ nghĩa của mình. Tại một phiên họp của Bộ Chính trị sau Đại

hội XVIII, Chủ tịch Tập Cận Bình đã khẳng định “không đem lợi ích cốt lõi ra để đổi chác”. Những phát ngôn kiểu này thường giúp lãnh đạo Đảng được lòng công luận, song cũng thu hẹp dư địa thỏa hiệp của Trung Quốc trong các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển đảo. Đôi khi, việc đi quá đà trong thủ thuật chơi con bài dân tộc chủ nghĩa cũng đẩy lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc vào thế khó xử.

Chẳng hạn, các cuộc biểu tình chống Nhật Bản trên quy mô lớn và mang tính bạo lực dữ dội đã nổ ra ở nhiều tỉnh thành Trung Quốc sau khi Nhật Bản công bố quốc hữu hóa 3 trong số 5 hòn đảo thuộc quần đảo Senkaku/Điếu Ngư tháng 9/2012. Việc người biểu tình đập phá các cơ sở kinh tế của Nhật Bản ở Trung Quốc đã gây thiệt hại lớn về kinh tế, đầu tư cho Trung Quốc, ảnh hưởng xấu đến uy tín và hình ảnh của Trung Quốc. Năm 2005, ở Trung Quốc cũng đã nổ ra một loạt các cuộc biểu tình tương tự sau khi Nhật Bản xuất bản cuốn sách giáo khoa lịch sử bị phía Trung Quốc coi là xuyên tạc lịch sử. Chính phủ Trung Quốc một mặt ngầm cho phép các cuộc biểu tình này, mặt khác cũng buộc phải có hành động ngăn chặn sau khi tình hình vượt ngoài tầm kiểm soát. Trong việc xử lý quan hệ ngoại giao với Nhật Bản, các nhà hoạch định chính sách đối ngoại Trung Quốc bị bó buộc hành động rất nhiều bởi những áp lực từ công luận mang tính dân tộc chủ nghĩa cao độ (Susan L. Shirk, 2007, pp.43-70).

Trong vấn đề biển Đông, chính quyền Trung Quốc cũng chịu tác động nhất định từ áp lực công chúng trong nước. Trong một cuộc thăm dò ý kiến do *Thời báo Hoàn Cầu* (một phụ bản của tờ *Nhân dân nhật báo* của Đảng Cộng sản Trung Quốc, có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa cao độ và có xu hướng rất cứng rắn, nhất là trong các vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển đảo) tiến hành đầu

năm 2015, trên 90% số người được hỏi đã ngạo mạn cho rằng biển Đông cần được coi là “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc. Thực tế này khiến lãnh đạo cấp cao Đảng Cộng sản Trung Quốc dù muốn hay không cũng không dám phủ nhận quan điểm này bởi sợ bị nhìn nhận là yếu đuối, không bảo vệ được lợi ích dân tộc^(*).

Tuy nhiên, sẽ là cường điệu nếu cho rằng công luận và quan điểm của đa số người dân trong nước có khả năng xoay chuyển chiều hướng chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Khác với các chính thể đa đảng, lãnh đạo Trung Quốc không phải chịu sức ép bầu cử và kiểm phiếu từ cử tri để giữ ghế. Do đó, quan điểm của công chúng cũng chỉ có ảnh hưởng ở mức độ nhất định. Giới lãnh đạo ra quyết sách đã biết lắng nghe quan điểm của người dân về các vấn đề đối ngoại hơn trước, nhưng nhìn chung chỉ thực sự điều chỉnh nếu nhận thấy rủi ro tiềm tàng đe dọa an ninh chế độ nếu không làm như vậy. Trong những trường hợp khác, Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn khẳng định quyền lực độc quyền trong quá trình ra quyết sách đối ngoại (Hao Yufan and Hou Ying, 2009, p.140).

* * *

Nói tóm lại, từ việc phân tích vai trò và ảnh hưởng của các chủ thể liên quan đến quá trình ra quyết định đối ngoại của Trung Quốc có thể rút ra một số nhận định sau:

Thứ nhất, thẩm quyền ra quyết định đối ngoại của Trung Quốc hiện nay đã bị phân tán nhiều so với trước. Lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản và Nhà nước

Trung Quốc tuy vẫn duy trì vai trò quan trọng nhất, mang tính quyết định, song đã không còn là lực lượng độc quyền đối với việc hoạch định chính sách và ra quyết định đối ngoại như các thể hệ lãnh đạo thứ nhất (Mao Trạch Đông) và thể hệ lãnh đạo thứ hai (Đặng Tiểu Bình).

Thứ hai, mặc dù tất cả các chủ thể liên quan đều coi việc Trung Quốc hội nhập quốc tế và chấp nhận các luật chơi chung là tất yếu, song có sự khác biệt quan điểm về mức độ thực hiện chủ trương trên. Thậm chí ngay bên trong từng chủ thể như Bộ Ngoại giao, Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc... cũng tồn tại những quan điểm khác nhau về mức độ thực hiện chủ trương đó. Điều này cho thấy trong khi hệ thống chính trị Trung Quốc vẫn duy trì bản chất một đảng lãnh đạo, thì dấu hiệu đa nguyên, đa chiều về quan điểm, chủ trương trong các vấn đề đối ngoại đã xuất hiện và có xu hướng ngày càng rõ.

Thứ ba, vai trò của nhóm chủ thể thứ yếu ngày càng tăng. Quan điểm của các nhân tố thứ yếu đều khẳng định và thúc đẩy việc Trung Quốc tăng cường sự chủ động, quyết đoán trong việc theo đuổi các lợi ích quốc gia, dân tộc cần phải gia tăng. Điều này lý giải vì sao gần đây Trung Quốc dường như đã vứt bỏ hoàn toàn phương châm “giấu mình chờ thời” do Đặng Tiểu Bình đề ra, và hành xử ngày càng quyết đoán, hung hăng ở khu vực, nhất là trong các tranh chấp lãnh thổ, biển đảo mà vụ đưa giàn khoan nước sâu HD-981 vào hoạt động trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam và các hành động cải tạo đảo, vũ trang hóa các đảo trên biển Đông thuộc chủ quyền không thể tranh cãi của chúng ta là một ví dụ tiêu biểu □

(*) Trước những thông tin (chủ yếu do phía Mỹ đưa ra) về việc Trung Quốc tuyên bố biển Đông là “lợi ích cốt lõi” tháng 3/2010, đến nay, lãnh đạo cấp cao Trung Quốc không chính thức thừa nhận, cũng không phủ nhận điều đó.

Tài liệu tham khảo

1. Erica Downs and Michal Midan (2011), “Business and Politics in China: The Oil Executive Reshuffle of 2011”, *China Security*, N^o.19.
2. Franklin Wankun Zhang (1998), *China's Foreign Relations Strategies Under Mao and Deng: A Systematic Comparative Analysis*, Department of Public and Social Administration, City University of Hong Kong.
3. 金中夏(2014), “探讨中国对外基础设施投资战略(下)”, <http://cafi.ec.mofcom.gov.cn/article/tongjipeixun/201403/20140300516390.shtml> (Kim Trung Hạ, 2015, *Thảo luận về chiến lược đầu tư nước ngoài của Trung Quốc, phần 2*), truy cập ngày 28/3/2015.
4. Hao Yufan and Hou Ying (2009), “Chinese Foreign Policy Making: A Comparative Perspective”, *Public Administration Review*, Dec.
5. 陈须隆, 苏晓晖, “十八大以来的中国外交战略新思想”, 《和平与发展》, 2014年06期, 第9-26页+第116-117页+第134-146页 (“ Tư tưởng ngoại giao của Đại hội XVIII”, *Tạp chí Hòa bình và Phát triển*, số 6 năm 2014)
6. 杨洁勉, “新时期中国外交思想、战略和实践的探索创新”, 《国际问题研究》, 2015年第1期, 第21-32页+第143-144页 (Đương Khiết, 2015, “ Tư tưởng, chiến lược và thực tiễn ngoại giao Trung Quốc thời kỳ mới: Phân tích nhân tố mới”, *Tạp chí Nghiên cứu các vấn đề quốc tế*, số 1).
7. 陈琪;管传靖, “中国周边外交的政策调整与新理念”, 《当代亚太》, 2014年第3期, 第4-26页。(Trần Kỳ, Quản Chuyên Tĩnh, 2014, “Chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc: Điều chỉnh tư tưởng và chính sách mới”, *Tạp chí Châu Á - Thái Bình Dương đương đại*, số 3).
8. 李海龙, “十八大后中国外交战略和实践分析”, 《邵阳学院学报(社会科学版)》, 2014年03期, 第31-37页。(Lý Hải Long, 2014, “Phân tích chiến lược và thực tiễn chính sách đối ngoại của Trung Quốc sau Đại hội XVIII”, *Học viện Na Dương học báo*, số 3-2014).
9. Michael Yahuda (2011), *The International Politics of the Asia Pacific* (third and revised edition), Routledge, New York.
10. 李巍 孙忆, “理解中国经济外交”, 《外交评论(外交学院学报)》, 2014年04期, 第5-28页。(Lý Quỳ, Tôn Kỳ, 2014, “Luận giải chính sách ngoại giao kinh tế của Trung Quốc”, *Tạp chí Bình luận ngoại giao*, số 4).
11. Susan L. Shirk (2007), “Changing Media, Changing Foreign Policy in China”, *Japanese Journal of Political Science*, Vol.8, N^o.1, April.
12. Tianbiao Zhu (2001), “Nationalism and Chinese Foreign Policy”, *The China Review*, Vol.1, N^o.1, Fall.
13. Yafeng Xia (2008), “The Cold War and Chinese Foreign Policy”, <http://www.e-ir.info/2008/07/16/the-cold-war-and-china/>, truy cập ngày 12/4/2014.